

## VACCIN

### 1. Viêm gan B người lớn (Engerix B 1ml) – Bỉ – 200K – TB or TDD - $\geq 20$ tuổi

- 3 mũi: **0 – 1 – 6**
- Cách 6in1/5in1 – Viêm gan AB: 1 tháng
- XN trước tiêm: HBsAg và Antin HBS
- Anti HBS:
  - 0 – 10 IU/ml: tiêm vaccine
  - 10 – 100 IU/ml: tiêm 1 mũi
  - 100 – 1000 IU/ml: không cần tiêm

### 2. Viêm gan B trẻ em (Engerix B 0.5ml) – Bỉ – 170K – TB or TDD - $< 20$ tuổi

### 3. Ung thư cổ tử cung (Gardasil) – Mỹ – 1750K – TB - $\geq 9$ tuổi

- 3 mũi: **0 – 1 – 6**
- Ngừa 4 chủng HPV: 16 – 18 – 6 – 11

### 4. Sởi, Rubela, Quai bị (3 trong 1- MMR II) – Mỹ – 270K – TDD - $\geq 12$ tháng

- *12 tháng – 7 tuổi*: chưa tiêm sởi  
2 mũi: **0 – 3** (hoặc mũi 2 lúc 4 – 6 tuổi)
- $\geq 7$  tuổi: 2 mũi: **0 – 1**

### 5. Các bệnh do phế cầu 13 (Prevenar 13) – Ai len – 1250K – TB cơ Delta 0.5ml

- Ngừa viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa cấp, nhiễm khuẩn huyết... do 13 chủng phế cầu
- $\geq 2$  tháng
- *2 – 7 tháng*:
  - 4 mũi: 0 – 1 – 2 – cách mũi 3 là 8 tháng (nếu trẻ đang ở 11 – 15 tháng tuổi thì mũi 4 cách mũi 3 là 2 tháng)
- *7 – 12 tháng*:
  - 3 mũi: **0 – 1 – cách mũi 2 là 6 tháng** (Nếu  $> 1$  tuổi thì mũi 3 cách 2 là 2 tháng)
- *12 – 24 tháng*:
  - 2 mũi: **0 – 2**
- $\geq 24$  tháng và người lớn: **1 mũi**
- **Bổ sung 1 mũi Prevenar 13 vào Synflorix 10 để bổ sung chủng sau khi Syn 10 tiêm đủ cách 8 tuần**

## 6. Các bệnh do phế cầu 10 (Synflorix 10) – Pháp – 1000K – TB

- Phòng 10 chủng do phế cầu
- $\geq 2$  tháng – 6 tuổi
- Trẻ nhỏ: tiêm mặt trước đùi. Trẻ lớn: tiêm cơ Delta
- 2 – 6 tháng: 4 mũi
  - Mũi 1: 2 tháng tuổi
  - Mũi 2: 3 tháng tuổi
  - Mũi 3: 4 tháng tuổi
  - Mũi 4: cách mũi 3 là 6 tháng
- Hoặc
  - Mũi 1: 2 tháng tuổi
  - Mũi 2: 4 tháng tuổi
  - Mũi 3: 6 tháng tuổi
  - Mũi 4: cách mũi 3 là 6 tháng
- 7 – 11 tháng: 3 mũi
  - 0 – 1 – cách mũi 2  $\geq$  ở tháng tuổi thứ 2
- 12 tháng – 6 tuổi:
  - 2 mũi: 0 – 2
- Bổ sung 1 mũi Prevenar 13 vào Synflorix 10 để bổ sung chủng sau khi Syn 10 tiêm đủ cách 8 tuần

## 7. Tiêu chảy do Rotavirus (Rotarix) – Bỉ – 800K - $\geq 6$ tuần tuổi

- Chỉ uống
- Không uống lại nếu ói
- Uống 2 liều cách nhau  $\geq 4$  tuần
- Uống cùng bại liệt thì làm giảm nhẹ hiệu quả của Rota, nên uống cách  $\geq 2$  tuần
- Hoàn thành phác đồ trước 24 tuần (6 tháng)
- Nếu trẻ  $> 5$  tuổi: 1 liều duy nhất
- Không dùng ở trẻ tiền sử lồng ruột, dị tật đường tiêu hóa

## 8. Tiêu chảy do Rotavirus (RotaTeq) – Mỹ – 650K - $\geq 7.5$ tuần tuổi

- Uống 3 liều cách nhau  $\geq 4$  tuần
- Hoàn thành trước 32 tuần

## 9. Viêm gan A + Viêm gan B (Twinrix) – Bỉ – 560K – TB - $\geq 12$ tháng

- 12 tháng – 16 tuổi: 2 mũi 0 – 6
- $\geq 16$  tuổi: 3 mũi : 0 – 1 – 6
- XN HBsAg và Anti HBS
- Tiêm cách 6in1/5in1: 1 tháng

**10. Thủy đậu (Varilrix) – Mỹ – 900K – TDD 0.5ml -  $\geq$  9 tháng**

- Vị trí tiêm: cơ delta hoặc đùi
- Phải để cồn sát khuẩn bay hơi hết trước tiêm
- Tránh dùng Aspirin sau tiêm 6 tuần
- 9 tháng – 12 tuổi: 2 mũi : **0 – 3**
- $\geq$  13 tuổi + người lớn: 2 mũi: **0 – 1**
- Nên tiêm cách vaccin khác 2 tuần – 1 tháng

**11. Thủy đậu (Varivax) – Mỹ – 870K – TDD -  $\geq$  12 tháng**

- 12 tháng – 2 tuổi:  
2 mũi : **0 – 3 (hoặc mũi 2 lúc trẻ 4 – 6 tuổi)**
- $\geq$  13 tuổi + người lớn:  
2 mũi: **0 – 1**

**12. Vaccin uốn ván hấp phụ (VAT) – 100K – TB sâu 0.5 ml**

- Không được tiêm tĩnh mạch
- Lắc đều trước tiêm
- Liều cơ bản: 3 mũi: 0 – 1 - cách mũi 2 là 6 tháng
- **Thai phụ: tiêm 2 mũi ở thai kỳ đầu tiên. Nếu thai kỳ tiếp theo mang thai cách thai kỳ trước < 5 năm thì chỉ cần tiêm 1 mũi**
- Cách 6in1/5in1/4in1/3in1  $\geq$  1 tháng

**13. Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Hib, Viêm gan B (6in1)**

- Infanrix Hexa Vial 0.5 ml – Bỉ – 1000K – TB sâu -  $\geq$  2 tháng
- 4 mũi: **0 – 1 – cách mũi 2 là 1 tháng – cách mũi 3 là 6 hoặc 12 tháng**

**14. Vaccin cúm (Influvac Tetra) – Hà Lan – 340K – TB 0.5ml -  $\geq 3$  tuổi**

- Ngừa 4 chủng: 2 cúm A (H1N1 và H3N2), 2 cúm B (Yamagata và Victoria)
- 3 tuổi – 9 tuổi: 2 mũi : **0 – 1**
- $\geq 9$  tuổi: **1 mũi**
- Nhắc lại mỗi năm 1 mũi, cách mũi trước  $\geq 12$  tháng

**15. Vaccin cúm (Infuvac S) – Việt Nam – 190K – TB cơ Delta – 18 - 60 tuổi**

- Ngừa 3 chủng: 2 cúm A (H3N2 và H1N1), cúm B (Yamagata/ Victoria)
- **1 mũi**
- Nhắc lại hàng năm
- **Có thể tiêm cho PNCT nhưng sau 3 tháng đầu và trước sinh 1 tháng**
- Việt Nam: đỉnh dịch cúm vào tháng 7 và tháng 11, tăng vào mùa đông và xuân.  
Nên tiêm trước mùa cúm 2 tuần

**16. Viêm não Nhật Bản (Jevax) – Việt Nam – 150K – TDD -  $\geq 12$  tháng**

- 3 mũi: **0 – cách mũi 1 là 1-2 tuần – 1 năm sau mũi 2**
- Sau 3 năm nhắc lại 1 mũi

**17. Viêm não mô cầu BC (Va-Mengoc-BC) – Cu Ba – 280K – TB sâu**

- Vị trí: cơ Delta hoặc đùi ở trẻ nhỏ
- 6 tháng – 45 tuổi
- **2 mũi cách nhau 45 ngày**
- Không tiêm PNCT và cho con bú

LỊCH TIÊM CHỦNG CHO TRẺ TỪ 0-8 TUỔI															
Tuổi/Vaccine	Sơ sinh	Tháng										Tuổi			
		2	3	4	6	7	8	9	10-11	12	18	2	3-4	5-6	7-8
Lao	x														
Viêm gan B	x	x	x	x								x			x
Bạch hầu, ho gà, uốn ván		x	x	x								x		x	
Bại liệt		x	x	x								x			
Viêm phổi, viêm màng não mủ do Hib		x	x	x								x			
Tiêu chảy do Rota Virus		Phác đồ 2 hoặc 3 liều, mỗi liều cách nhau tối thiểu 1 tháng													
Viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa do phế cầu khuẩn		x	x	x						x					
Viêm màng não, nhiễm khuẩn huyết, viêm phổi do não mô cầu khuẩn B,C						x		x							
Cúm					Phác đồ tiêm 2 liều cách nhau tối thiểu một tháng cho lần tiêm đầu tiên. Tiêm nhắc lại 1 liều mỗi năm.										
Sởi								x				x			
Viêm màng não, nhiễm khuẩn huyết, viêm phổi do não mô cầu khuẩn A,C,W,Y									x		x				
Viêm não Nhật Bản												– Phác đồ 2 liều tiêm cách nhau 1 năm – Hoặc phác đồ 3 liều tiêm và nhắc lại mỗi 3 năm một liều đến 15 tuổi			
Sởi, Quai bị, Rubella											x			x	
Thủy đậu											Phác đồ 2 liều tiêm cách nhau tối thiểu 3 tháng				
Viêm gan A											Phác đồ 2 liều tiêm cách nhau tối thiểu 6 tháng				
Viêm gan A + B											Phác đồ 2 liều tiêm cách nhau tối thiểu 6-12 tháng				
Thương hàn												1 liều và nhắc lại mỗi 3 năm			
Bệnh tả												2 liều cách nhau tối thiểu 2 tuần			